TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**77**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2020.
V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Phước**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quí** - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐST- HNGĐ ngày 01/04/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/04/2020 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **PHAN THỊ PHƯƠNG T** – sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp *B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: C * đường H, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: **NGUYỄN VĂN T** – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Phương T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 2011, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới chị và anh T sống hạnh phúc được 07 năm thì

phát sinh mâu thuẫn do anh T hay ghen tuông vô cớ còn hay đánh đập, chửi chị. Đời sống chung kéo dài đến đầu tháng 8/2019 thì chính thức ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phan Yến L - sinh ngày 18/01/2012. Hiện cháu L đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

***** Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Phan Thị Phương T xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Phương T; về con chung: giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến L - sinh ngày 18/01/2012 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi lao động được, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[1] Xét nguyên đơn chị Phan Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Phương T là có cơ sở. Vì chị Phan Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 2011, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T số 19 ngày 25/02/2011. Chị T và anh T sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường hay ghen tuông vô cớ còn bạo hành chị T. Đời sống chung kéo dài đến đầu tháng 8/2019 thì chị T và anh T sống ly thân cho đến nay, mà giữa

chị T, anh T vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến L - sinh ngày 18/01/2012. Xét yêu cầu này của chị T phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: không có.

[7] Về nợ chung: không có

[8] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 175, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Phương T.

Chị Phan Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: giao cho chị Phan Thị Phương T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến L - sinh ngày 18/01/2012 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Phan Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016222 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Nhựt
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh